

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 495/TTYT-TCHC

Giang Thành, ngày 15 tháng 5 năm 2025

Về việc rà soát danh sách, thời gian theo Nghị
định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ đối
với viên chức, người lao động

Kính gửi: Các Khoa, Phòng, Trạm Y tế xã trực thuộc
(Gọi chung là các đơn vị)

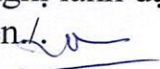
Căn cứ công văn số 645/TTYT-TCHC, ngày 18 tháng 04 năm 2025 về việc thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính Phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Phòng tổ chức nhận được hồ sơ của các khoa, phòng, trạm đã tổng hợp và tính thời gian của từng cá nhân có sự chênh lệch. Tuy nhiên đảm bảo việc tổng hợp danh sách và thời gian công tác tại vùng đặc biệt khó khăn của viên chức, người lao động đồng bộ, thống nhất và tránh trường hợp sai, thiếu sót trong quá trình thực hiện. Nay Trung tâm Y tế đề nghị các Khoa, Phòng, Trạm Y tế thực hiện một số nội dung sau:

1. Lãnh đạo các đơn vị triển khai danh sách tổng hợp kết quả thời gian công tác tại vùng đặc biệt khó khăn đến toàn thể viên chức, người lao động đơn vị mình được biết và thực hiện kiểm tra, rà soát lại thông tin cá nhân, thời gian tham gia công tác tại vùng khó khăn (có danh sách kèm theo).

2. Kịp thời phản hồi những sai, thiếu sót hoặc có ý kiến khác (nếu có) bằng văn bản về Trung tâm Y tế (đ/c Bài – Phòng Tổ chức – Hành chính), thời gian **chậm nhất đến 10 giờ 00 phút ngày 19/5/2025**.

Lưu ý: Nếu đơn vị thống nhất với danh sách cũng phải có văn bản thống nhất gửi về Trung tâm Y tế theo thời gian trên để tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc

Nhận được Công văn này Trung tâm Y tế Giang Thành đề nghị lãnh đạo các Khoa, Phòng, Trạm Y tế xã quan tâm phối hợp, triển khai, thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- ttytgiangthanh.gov.vn;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC




Hồ Hữu Phước

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ

Hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Các văn bản áp dụng					Tổng thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Hệ số lương công với PCCVLD, PCTNVK (nếu có) tại thời điểm chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KTXH ĐBKK hoặc khi nghỉ hưu	Tổng hệ số	Mức lương cơ sở tại thời điểm chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KTXH ĐBKK hoặc khi nghỉ hưu	Định mức mỗi năm 1/2 tháng	Số tiền được hưởng	Ghi chú	
				QĐ số 21/1998/QĐ-UB ngày 25/02/1998 của BTCN UBND và MN (có hiệu lực từ 25/02/1998 đến 20/9/2007) Có 03 xã thuộc KV III là xã Phú Mỹ, Phú Lợi, Tân Khánh Hòa	QĐ số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của BTCN UBND (có hiệu lực từ 21/9/2007 đến 18/9/2013) có 03 xã thuộc KV III là Phú Mỹ, Phú Lợi, Vĩnh Phú, có 02 xã thuộc KV II là Tân Khánh Hòa, Vĩnh Điều, riêng ấp Vĩnh Lợi, Vĩnh Điều thuộc ấp ĐBKK	QĐ số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của BTCN UBND (có hiệu lực từ 19/9/2013 đến 27/4/2017) có 01 xã thuộc KV III là Phú Lợi, có 01 xã thuộc KV II là Phú Mỹ, riêng ấp Trần Thệ, Phú Mỹ thuộc ấp ĐBKK	QĐ số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của TTCP (có hiệu lực từ 28/4/2017 đến 03/6/2021), có 02 xã thuộc KV III là Phú Lợi và Vĩnh Điều; có 02 xã thuộc KV II là TKH, Vĩnh Phú; riêng xã Tân Khánh Hòa có 02 ấp Tân Thạnh và Tiên Khánh thuộc ấp ĐBKK, xã Vĩnh Phú có 02 ấp Đồng Cơ và T5 thuộc ấp ĐBKK	QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của TTCP; QĐ 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 BT CNUBDT (các QĐ có hiệu lực từ 04/6/2021 và cho đến nay), có 01 xã thuộc KV III là Phú Lợi, có 01 ấp Trâm Trối xã Vĩnh Điều thuộc ấp ĐBKK								
1	Ban giám đốc															



1	Trần Thị Thu Liệt	1983	Phó giám đốc			10/2014 - 12/2024 = 10 năm 2 tháng; 6 tháng hậu sản; học chuyên khoa I từ 2017-2019	10 năm 02 tháng (trừ 9,5 tháng hậu sản 6 tháng +3.5 tháng năm học 2018) còn lại 9 năm 4,5 tháng	4,26	4,26		0,5		Không đủ điều kiện
2	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản												
2	Hoàng Thị Trang			12/2007 - 9/2009 (y sĩ TYT phú lợi). 1 năm 10 tháng		Từ 10/2016 đến tháng 2/2018(bác sĩ Khoa Cấp cứu), từ 3/2018 đến 10/2023 (Trưởng Khoa sản TTYT) 7 năm	8 năm 10 tháng	3,33+0,4	3,74		0,5		Không đủ điều kiện
3	Nghiêm Minh Trí	1969	Viện chức khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản			Từ tháng 05/2011 - 12/2024 làm tại Trung tâm Y tế Giang Thành, đi học 02 năm chuyên khoa I	13 năm 7 tháng (Trừ 02 năm đi học) còn 11 năm 7 tháng	4,32	4,32		0,5		
4	Nguyễn Thị Ánh Phương	1985	Hộ sinh trưởng khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản	Không	Tháng 4/2009-09/2015 (Hộ sinh Trạm y tế xã Vĩnh Phú). 4 năm 5	Từ tháng 01/2016-12/2024 Trung tâm Y tế Giang thành, 9 năm	13 năm 5 tháng trừ đi học +hậu sản 6 tháng . Còn lại 11 năm 01 tháng	3,66 + 0,3	3,96		0,5		
5	Thị Tol	1985	Nhân viên	Không	Tháng 10/2010 - 01/2016(Hộ sinh trạm y tế xã Phú Lợi). 05 Năm 9 tháng	Tháng 02/2016-12/2024(Hộ sinh khoa CSSKSS).08 năm 10 tháng	14 năm 07 tháng: Trừ đi học 17 th và nghỉ hậu sản 06th=23 th: Còn lại là 12 năm 06 tháng	3,34	3,34		0,5		
3	KHOA KHÁM BỆNH												
6	Lâm Bảo Quân	1977	Trưởng khoa	08/1998 -10/2002 4 năm 2 tháng		01/2010 -12/2024 làm trạm y tế phú lợi và TTYT giang thành 15 năm	19 năm 2 tháng trừ 02 năm đi học còn lại 17 năm 2 tháng	4,72	4,72		0,5		
7	Chung Lê Ngọc Hân	1989	Điều dưỡng Trưởng khoa			01/05/2011- 12/2024 13 năm 7 tháng	hậu sản 12 tháng còn lại 12 năm 7 tháng	3,64	3,64		0,5		

9	Nguyễn Thị Kim Thoa	1985	Viên chức		5/2009-12/2024 tc 15 năm 7 tháng		15 năm 7 tháng trừ 6 tháng hậu sản còn 15 năm 01 tháng (làm tròn 15 năm)	3.33	3.33		0.5		
10	Lê Thị Mỹ Hương	1992	Viên chức		01/12/2014 -12/2024 TC 10 năm		10 năm trừ 6 tháng hậu sản	2.66	2.66		0.5		
11	Thị Thắm	1984	Viên chức		01/2011-12/2024 tổng cộng 14 năm		14 năm trừ 10 tháng hậu sản còn 13 năm 2 tháng	3.33	3.33		0.5		
12	Lưu Thị Kim Tiền	1989	VCQL		6/2010-12/2024 làm tại TTYT Giang Thành tổng cộng 14 năm 6 tháng		14 năm 6 tháng trừ đi học và hậu sản còn 11 năm 6 tháng	3.73	3.73		0.5		
13	Nguyễn Thị Bài	1971	Viên chức	01/2003-09/2007 = 4 năm 9 tháng	03/2010 -06/2021 = 11 năm 3 tháng		04/2024-12/2024 = 9 tháng	16 năm 9 tháng	3.86	3.86	0.5		
6	Khoa Kiểm soát bệnh tật												
14	Danh Dũng	1970	Viên chức	11-12/2007 = 2 tháng Từ	05/2008-09/2013 = 5 năm 4 tháng; từ tháng 11/2015 -12/2024 = 9 năm		14 năm 7 tháng	3,26	3,26		0.5		
15	Nguyễn Minh Quân	1984	Viên chức		từ 04/2012 - 31/12/2024 12 năm 8 tháng		12 năm 9 tháng	3,06	3,06		0.5		
16	Trần Lưu Văn	1990	Viên chức		01/12/2014-31/12/2024 = 10 năm 01 tháng		10 năm 1 tháng	2,66	2,66		0.5		
17	Nguyễn Thị Yến	1989	Viên chức		01/01/2014- 31/12/2024= 11 năm		11 năm (chưa trừ thai sản 11 tháng và 3 tháng về trạm Vĩnh Phú) còn 9 năm 10 tháng	2,86	2,86		0.5		

18	Hồ Thị Lý	1990	Viên chức		01/12/2014- 31/12/2024 = 10 năm 01 tháng			10 năm 1 tháng trừ 11 tháng thai sản còn 9 năm 2 tháng	2,86	2,86		0.5		Không đủ điều kiện
19	Trương Thị Huyền Trang	1990	Viên chức		01/01/2015-06/2018 = 3 NĂM 6 THÁNG 06/07/2020-31/12/2024 = 4 năm 6 tháng tổng cộng 8 năm			8 năm trừ thai sản 12 tháng còn 7 năm	2,66	2,66		0.5		Không đủ điều kiện
7	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn													
20	Danh Ngọc Toàn	1983	Trưởng khoa		1/11/2010-12/2024			14 năm 9 tháng	3.33	3.73		0.5		
21	Nguyễn Thị Hải Yến	1981	nhân viên		01/05/2011-12/2024			13 năm 7 tháng	2.73	2.73		0.5		
22	Nguyễn Thị Phượng	1980	nhân viên		9/2007- 9/2013; 6 năm 01 tháng		01/2019- 12/2024 (6 năm)	12 năm 1tháng (trừ hạ sản 6 tháng) còn 11 năm 7 tháng	3.86	3.86		0.5		
8	Khoa cấp cứu													
23	Đặng Văn Hiền	1990	Viên chức		01/01/2012 - 18/09/2013 (1 năm 9 tháng)		10/2016- 05/12/2024 (8 năm 2 tháng)	09 năm 11 tháng (Làm tròn 10 năm)	3.03	3.03		0.5		
24	Võ Hồng Kha	1982	Điều dưỡng trưởng khoa		01/05/2011 -12/2024			13 năm 8 tháng (làm tròn 14 năm)	3.63	3.63		0.5		
25	Nguyễn Văn phúc	1983	Viên chức		10/2009-12/2024			15 năm 03 tháng	3.33	3.33		0.5		
9	Khoa Nội Ngoại Nhi Nhiễm													
26	Trương Văn Tú	1989	Viên chức		05/2011 đến 12/2024			13 năm 07 tháng (làm tròn 14 năm)	3	3		0.5		
27	Trần Thị Tuyết	1989	Điều dưỡng trưởng khoa			01/12/2014 -12/2024 (10 năm 01 tháng)		09 năm 07 tháng	2.67	2.97		0.5		

26	Trương Văn Tú	1989	Viên chức		05/2011 đến 12/2024	13 năm 07 tháng (làm tròn 14 năm)	3	3		0.5		
27	Trần Thị Tuyết	1989	Điều dưỡng trưởng khoa		01/12/2014 -12/2024 (10 năm 01 tháng)	09 năm 07 tháng	2.67	2.97		0.5		
28	Lê Thị Ngọc Gấm	1983	Viên chức		4/2010-06/2010 (3 tháng)	05/2013 -31/12/2024 (11 năm 7 tháng)	11 năm 10 tháng (trừ hậu sản 6 tháng) còn 11 năm 4 tháng	3	3		0.5	
29	Thị Chanh	1989	Viên chức		04/2010 -12/2024 (14 năm 8 tháng)	(14 năm 8 tháng (trừ 2 năm đi học 6 tháng hậu sản) còn lại 14 năm 2 tháng	3.33	3.33		0.5		
10	Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe (02 người)											
30	Trần Thị Huỳnh Cân	01/04/1985	Viên chức		07/2010 -12/2024 (14 năm 5 tháng)	14 năm 5 tháng (trừ hậu sản 10 tháng, trừ sở 2 năm) còn 11 năm 7 tháng	3	3		0.5		
31	Nguyễn Trung Kiên	09/5/1990	Viên chức		01/2015-12/2024(tổng 10 năm)	10 NĂM	2.86	2.86		0.5		
9	Khoa An toàn thực phẩm (2 người)											
32	La Thị Hiền	05/04/1982	Trưởng khoa		02/2010-12/2024 (14 năm 8 tháng)	14 năm 8 tháng (trừ 4 năm đại học, 6 tháng hậu sản) còn 10 năm 2 tháng	3.33	3.73		0.5		
33	Nguyễn Thành Tín	09/11/1988	Viên chức		09/2012 -12/2024 cộng 12 năm 3 tháng	12 năm 3 tháng	2.86	2.86		0.5		
11	Khoa Dược-Trang thiết bị và vật tư Y tế											
34	Lê Minh Tường	07/08/1985	Viên chức		03/2012-12/2024 (12 năm 9 tháng)	12 năm 9 tháng	3	3		0.5		

35	Lê Thị Thu Hồng	07/05/1987	P. Trưởng khoa		08/2010 - 12/2024 (cộng 13 năm 3 tháng)			13 năm 3 tháng (trừ hậu sản 5 tháng) còn 12 năm 10 tháng	3	3.63		0.5		
12	Trạm Y tế xã Phú Lợi (03người)													
36	Nguyễn Văn Rĩa	01/01/1971	Trưởng trạm	02/1998-04/2013 = 15 năm 2 tháng			01/2022-12/2024 = 3 năm	Tổng cộng 18 năm 2 tháng	4.06V K 14%	4.36		0.5		
37	Lâm Thị Mỹ Linh	09/08/1989	Viên chức		08/2011-12/2024= 13 năm 4 tháng			13 năm 4 tháng(trừ hậu sản 1 năm) còn 12 năm 4 tháng	3.06	3.06		0.5		
38	Nguyễn Thị Huyền	05/08/1981	Viên chức		04/2005-12/2024 = 19 năm 8 tháng			19 năm 8 tháng (trừ 9 tháng hậu sản, 3 tháng không tham gia BH) còn 18 năm 8 tháng	3.34	3.34		0.5		
TỔNG CỘNG: 38 NGƯỜI														

Giang Thành, ngày 08 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TỔNG HỢP


Nguyễn Thị Bào